TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 7 năm 2017
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Vượng

2, Ông Hoàng Văn Tuân

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Tống Lan Hương

- Đại diện VKSND TP. Bắc Giang: Ông Nguyễn Ngọc Hán- Kiểm sát viên

Trong ngày 21/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2017/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 (Có mặt)

ĐKHKTT: Thôn Đ, xã D, TP. B, Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn R, xã D, TP. B, Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn Đ, xã D, TP. B, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2017, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình T ngày 20/3/2012. Trước khi kết hôn các bên có thời gian tìm hiểu. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thành phố B, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới chị về làm dâu nhà anh T. Vợ chồng chung sống nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay cãi nhau. Nguyên nhân do anh T hay đi chơi qua đêm, không có trách nhiệm với gia đình. Đến tháng 01/2017 thì mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng và vợ chồng ly thân cho đến nay. Chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thì gia đình hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Đình T.

Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đình Phước K, sinh ngày 21/9/2013. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì cháu Khang ở với chị tại nhà bố mẹ đẻ chị. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân tại công ty cầu lông Thành Công ở thôn T xã D, thành phố B. Thu nhập trung bình 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là anh Nguyễn Đình T không có ý kiến và không đến Tòa án để làm việc.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng : Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đình Phước K, sinh ngày 21/9/2013 cho chị H nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là anh Nguyễn Đình T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh T.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đình T kết hôn ngày 20/3/2012. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là cuộc hôn nhân hợp pháp (theo Điều 8, Điều 9- Luật hôn nhân và gia đình). Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình T (theo Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình).

[2]- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đình Phước K, sinh ngày 21/9/2013, do chị H đang nuôi dưỡng. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị H về con chung, giao cháu Nguyễn Đình Phước K, sinh ngày 21/9/2013 cho chị H nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83- Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3]- Về tài sản chung: Chị H xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Phước K, sinh ngày 21/9/2013 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung, có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/05978 ngày 23/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị H đã thi hành xong phần án phí DSST.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Giang;
- VKS TP. B;
- CCTHA dân sự TP;
- Các đương sự;
- UBND xã D, TP.B;
- Lưu: Hồ sơ, VPhòng.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Chuyền